

Số: 13/2014/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí trên địa bàn thành phố
Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 11

(Từ ngày 02 /12/2014 đến ngày 05/12/2014)

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 18/11/2014 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội, thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND Thành phố; ý kiến của các vị đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố (Có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu phí để lại cho các đơn vị thu đảm bảo sử dụng hiệu quả, đúng mục đích; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm. Việc tăng mức thu phí cần nâng cao hơn chất lượng phục vụ, nhất là các điểm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Trong quá trình tổ chức thu phí danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử tại những điểm có tính chất tôn giáo, tín ngưỡng, cần quan tâm đến công tác quản lý, tổ chức thực hiện để không làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư sinh sống tại khu vực có di tích. Quan tâm rà soát số lượng xe mô tô theo từng địa bàn quận, huyện, thị xã để giao dự toán thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô phù hợp, sát thực tế.

3. Tiếp tục xây dựng đủ các loại phí, lệ phí theo quy định. Rà soát những loại phí, lệ phí đang thực hiện bất hợp lý và những loại phí, lệ phí thay đổi do chính sách của Trung ương, kịp thời trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

2. Bãi bỏ các nội dung quy định về phí tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

- Bãi bỏ các khoản 11, 12, 20 tại Mục I Danh mục các khoản phí, lệ phí kèm Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND Thành phố Hà Nội Khóa XIII, Kỳ họp thứ 17.

- Bãi bỏ các khoản quy định tại Mục I, Mục II Phần A Danh mục các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 10/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND Thành phố Hà Nội Khóa XIV, Kỳ họp thứ 3.

- Bãi bỏ các khoản quy định tại Mục I, Phần C Danh mục các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND Thành phố Hà Nội Khóa XIV, Kỳ họp thứ 6.

- Bãi bỏ Khoản 5, Phần II, Mục B Danh mục các khoản phí, lệ phí kèm Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của HĐND Thành phố Hà Nội Khóa XIV, Kỳ họp thứ 10.

3. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố đôn đốc và giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khoá XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2014./.

Nơi nhận: *bu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Tổng cục thuế;
- Thường trực Thành Ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- TT HĐND - UBND - UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- VPĐDBQH&HĐNDTP; VPUBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành TP liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP; Cổng Giao tiếp điện tử TP;
- Các Cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT. *h*

CHỦ TỊCH,



Ngô Thị Doãn Thanh



DANH MỤC CÁC KHOẢN PHÍ
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 03/12/2014
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô.

1.1. Mức thu phí đối với xe mô tô (không bao gồm xe máy điện):

TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (đồng/năm)
1	Loại có dung tích xy lanh đến 100 cm ³	50.000
2	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm ³	100.000

1.2. Quản lý, sử dụng nguồn phí thu được:

a. Đối với các phường, thị trấn: được để lại 10% số phí sử dụng đường bộ thu được để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định, 90% còn lại nộp vào tài khoản Quỹ bảo trì đường bộ Thành phố.

b. Đối với các xã: được để lại 20% số phí sử dụng đường bộ thu được để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định, 80% còn lại nộp toàn bộ vào ngân sách và điều tiết 100% về ngân sách cấp xã để đầu tư đường giao thông nông thôn theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

1.3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện.

2. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.1. Đối tượng nộp:

Tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của UBND thành phố Hà Nội.

2.2. Mức thu:

ĐVT mức thu (triệu đồng/hồ sơ)

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ đồng
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải	5	5,2	5,4	6	6,8

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ đồng
và cải thiện môi trường					
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	6,0	6,5	6,7	7,5	8,5
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,7	7,3	7,5	8,5	9,5
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	7,5	7,7	8,6	9,8
Nhóm 5: Dự án giao thông	7,2	7,8	8,0	9,0	10
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	7,5	8,0	8,4	9,5	11
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5	5,2	5,4	6	6,8

- Trường hợp thẩm định lại, mức thu phí được xác định bằng 50% mức thu trên.

2.3. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được: Đơn vị thu phí nộp 10 phần trăm (10%) vào ngân sách nhà nước và để lại 90 phần trăm (90%) trên số tiền phí thu được để chi cho việc thẩm định và tổ chức thu phí thẩm định.

3. Phí qua đò, Phí qua phà

3.1 Phí qua đò.

3.1.1. Đối tượng nộp:

Các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ chở đò phải nộp phí qua đò.

3.1.2. Mức thu (tất cả các mức thu đã bao gồm thuế GTGT):

a. Đối với đò ngang qua sông:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Người	đ/người/lượt	2.000
2	Người + xe đạp (kể cả xe đạp điện)	đ/lượt	3.000
3	Người + xe máy (kể cả xe máy điện)	đ/lượt	4.000
4	Người + hàng hóa từ 50 kg trở xuống	đ/lượt	3.000

5	Trường hợp 1,2,3 kèm theo hàng hoá trên 50kg		Tính thêm 2.000đ/lượt.
6	Trường hợp chỉ có hàng; Trường hợp trên 50 kg thu thêm các lượt tiếp theo	đ/lượt/50kg.	2.000

b. Đối với đồ dọc tại thắng cảnh Chùa Hương:

Nội dung	Đơn vị tính	Đò thường	Đò chất lượng cao
Tuyến Hương Tích	Đồng/người/2 lượt vào ra	35.000	40.000
Tuyến Long Vân		25.000	30.000
Tuyến Tuyết Sơn		25.000	30.000

3.1.3. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được:

a. Toàn bộ số thu phí qua đò ngang sông thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ chèo đò. Tổ chức, cá nhân thu phí qua đò phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

b. Riêng Phí đò dọc tại chùa Hương: Trích 3% trên tổng số tiền phí thu được để chi trả cho công tác tổ chức, quản lý thu. Số còn lại 97% là doanh thu của chủ đò, chủ đò có trách nhiệm phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

3.2. Phí qua phà.

3.2.1. Đối tượng nộp:

Các tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ qua phà phải nộp phí qua phà.

3.2.2 Mức thu (tất cả các mức thu đã bao gồm thuế GTGT):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Người	đ/người/lượt	1.000
2	Người + xe đạp (kể cả xe đạp điện)	đ/lượt	2.000
3	Người + xe máy (kể cả xe máy điện)	đ/lượt	4.000
4	Người + hàng hóa từ 50 kg trở xuống	đ/lượt	2.000
5	Trường hợp 1,2,3 có kèm theo hàng hoá trên 50kg		<i>tính thêm</i>

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
			2.000đ/lượt
6	Trường hợp chỉ có hàng; Trường hợp trên 50 kg thu thêm các lượt tiếp theo	đ/lượt/50kg.	2.000
7	Ô tô dưới 10 chỗ	đ/xe/lượt	30.000
8	Ô tô từ 10 chỗ đến 16 chỗ	đ/xe/lượt	40.000
9	Ô tô chở hàng trọng tải đến 1,5 tấn	đ/xe/lượt	30.000
10	Ô tô chở hàng trọng tải trên 1.5 tấn đến 3 tấn	đ/xe/lượt	40.000
11	Ô tô chở hàng trọng tải trên 3 tấn đến 5 tấn	đ/xe/lượt	50.000
	Mùa nước từ báo động số 1 trở lên	Thu tăng 30% các mức thu trên	

3.2.3. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được:

Toàn bộ số thu phí qua phà thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ qua phà. Tổ chức, cá nhân thu phí qua phà phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

4. Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.

4.1. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa phải nộp phí tham quan.

4.2. Đối tượng miễn phí:

a. Tất cả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa: Người khuyết tật đặc biệt nặng.

b. Tại các di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Đền Ngọc Sơn, khu di tích Cổ Loa, Đền quán thánh, di tích Nhà tù Hỏa lò, khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Chùa Thầy, chùa Tây Phương: Trẻ em *.

c. Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Nhà tù Hỏa Lò: Người có công với cách mạng**.

d. Nhà tù Hỏa Lò: Thành viên các Hội cựu chiến binh, ban liên lạc kháng chiến, ban liên lạc các nhà tù trong cả nước.

4.3. Đối tượng giảm 50% mức phí:

a. Tất cả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa:

a1. Người khuyết tật nặng.

a2. Người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên)

a3. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa.
(Trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú), cụ thể:

- Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa được quy định trong Chương trình 135 của Chính phủ.

- Người có công với cách mạng ** (Trừ Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long; Nhà tù Hỏa Lò).

- Người thuộc diện chính sách xã hội: Người tàn tật, người già cô đơn; Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

a4. Đối với người thuộc diện hưởng cả 2 hoặc 3 trường hợp ưu đãi trên thì chỉ giảm 50% mức phí.

b. Riêng Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Đền Ngọc Sơn, khu di tích Cổ Loa, Đền quán thánh, di tích Nhà tù Hỏa lò, khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long: Học sinh, sinh viên từ 15 tuổi trở lên (nếu có thẻ học sinh, sinh viên).

4.4. Thời gian không thu phí:

Đối với di tích Đền, Chùa, Làng cổ Đường Lâm: không thu phí trong các ngày: ngày 30; mừng 1; mừng 2 tết Nguyên đán; Ngày giỗ Thánh 20/8 âm lịch (đối với Đền Ngọc Sơn).

4.5. Mức thu:

Địa điểm thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	đ/lượt/khách	30.000
2. Đền Ngọc Sơn	đ/lượt/khách	30.000
3. Nhà tù Hỏa Lò	đ/lượt/khách	30.000
4. Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long	đ/lượt/khách	30.000
5. Khu di tích Cổ loa	đ/lượt/khách	10.000
6. Chùa Tây Phương	đ/lượt/khách	10.000
7. Chùa Thầy	đ/lượt/khách	10.000

Địa điểm thu	Đơn vị tính	Mức thu
8. Đền Quán Thánh	đ/ lượt/khách	10.000
9. Làng cổ Đường Lâm		
Người lớn	đ/ lượt/khách	20.000
Trẻ em*	đ/ lượt/khách	10.000
10. Chùa Hương***		
Người lớn	đ/ lượt/khách	49.000
Trẻ em*	đ/ lượt/khách	24.000
***Tại Chùa Hương: phí bảo hiểm (1.000đ/người) được thu trên cùng một vé với vé thắng cảnh: Mức thu trên vé tổng số: Người lớn: 50.000 đ; trẻ em: 25.000 đ.		

** Trẻ em là người dưới 15 tuổi.*

+ Trường hợp khó xác định là người dưới mười lăm tuổi thì chỉ cần có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh được là người dưới mười lăm tuổi như: giấy khai sinh, thẻ học sinh;

+ Trường hợp không có giấy tờ để xác định dưới mười lăm tuổi thì áp dụng chiều cao dưới 1,3 m.

*** Người có công với cách mạng, gồm:*

- Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ "tiền khởi nghĩa".

- Thân nhân liệt sĩ.

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh.

- Các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.

4.6. Quản lý và sử dụng tiền phí thu được:

Nội dung	Tỷ lệ để lại	Nộp NSNN
1. Nhà tù Hỏa Lò	90%	10%
2. Khu di tích Cổ Loa	90%	10%
3. Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long	90%	10%
4. Quán Thánh	90%	10%

Nội dung	Tỷ lệ để lại	Nộp NSNN
5. Chùa Thầy	90%	10%
6. Chùa Tây Phương	90%	10%
7. Làng cổ Đường Lâm	100%	0
8. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	90%. Để chi cho công tác thu và tôn tạo, duy tu, sửa chữa, chống xuống cấp... di tích khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do TP giao	10%
9. Đền Ngọc Sơn	90%. Để chi cho công tác thu và tôn tạo, duy tu, sửa chữa, chống xuống cấp... di tích khi có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các nhiệm vụ do TP giao	10%
10. Chùa Hương	35%	65% Số thu này được xác định là 100% và phân chia 70% huyện; 30% cho xã Hương Sơn để chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khu di tích chùa Hương